

SIMPLE PRESENT OF TO BE AND ORDINARY VERBS

I. Fill in the blank with to be (is/ am / are) or do/ does/ don't/ doesn't

Do/ does/ don't/ doesn't + động từ

Tobe + danh từ / tính từ/ giới từ

1. Jane.....a teacher.

2.you like coffee?

3. She.....at home now.

4. They.....live in Bangkok.

5.she sick?

6. Where.....they come from?

6. How.....are.....you?

7. What time.....she get up in the morning?

8. Whyyou late?

9.your brothers work in that company?

10. She.....love going out.

11.your grandmother 90 years old?

12. We.....not very happy because we got bad marks.

13. Where.....she from?

14. He.....Vietnamese.

15. Shevery good at English.

16. Whyyou late for class?

17. What.....your mother do?

18. Whereyou work?

19. How.....he go to school every day?

20. We...usually eat lunch at home.

21. Whenthe film start?

22. Wherehe meet you every day?

23. Howyou get to work?

24. It...rain much in Winter.

25. Theyhave English on Monday.

- **Xác định câu dạng gì: khẳng định, phủ định, câu hỏi**
- **Chủ ngữ là số ít hay số nhiều.**
- **Nếu số nhiều (I, you, we, they) động từ giữ nguyên**
- **Nếu số ít (he, She, it) thì động từ thêm -s/ -es (o,s,ss,ch,x, sh,z)**

Nếu là câu phủ định

Ngôi I, you, we, they: don't +V-nghuyên

Ngôi He, She, it: doesn't + V-nghuyên

Nếu câu hỏi: I, you, we, they, đổi Do lên trước chủ ngữ

He, she, it **đ**ổi Does lên trc chu ngữ động từ chinh giữ nguyên mẫu.

II. Put the verbs in the brackets into simple present tense.

1. She (wash) _____ her clothes every Sunday.
2. She (study) _____ English every day.
3. He (want) _____ to become a teacher.
4. She usually (walk) _____ to school.
5. What time _____ Mary usually (get) _____ up every morning?
6. She (not wash) _____ her clothes every weekend.

Chủ ngữ	Câu khẳng định	Câu phủ định	Câu hỏi
I, You, we, they, danh từ số nhiều	S + V-nguyên + o	S + don't + V-nguyên+ o	Do + S + V-nguyên+ o? Yes, S + do. No, S + don't.
He, she, it, danh từ số ít	S + V-s/es+ o -es động từ tận cùng là: o,s,ss,ch,x, sh,z động từ tận cùng là y → i+es	S + doesn't + V-nguyên+ o	Does + S + V-nguyên+ o? Yes, S + does. No, S + doesn't.

7. _____ they (be) teachers?
8. It (not be) _____ often cold in summer.
9. Tom usually (walk) _____ to school.
10. He (be) _____ a student.
11. I (be) sixteen years old.
12. They (be) _____ very friendly.
13. Every week she (go) _____ to visit her parents.
14. What time _____ your father usually (get) _____ up?
15. We (not go) _____ to school on Sundays.
16. We (not be) _____ very lazy.
17. The Earth (go) _____ around the Sun.
18. I (visit) _____ my parents very often.
19. _____ he (go) _____ to school every day?
20. _____ she (come) _____ from Japanese?

21. They often _____ (go) to school on foot.

22. She ___(go) to the park everyday.

23. Bad students never _____ (work) hard.

24. It often _____ (rain) in the summer.

25. He usually _____ (water) the trees in the morning.

26. She always _____ (cook) in the morning.

27. I always _____ (meet) him on the corner of this street.

28. He _____ (not do) morning exercises regularly.

29. Water _____ (boil) at 100 degrees centigrade.

30. _____ You _____ (be) a good student?

Exercise 2: Give the correct form of the verbs in the brackets

1. The flight (start).....at 6 a.m every Thursday.
2. I like Math and she (like).....Literature.
3. I (bake) _____ cookies twice a month.
4. My best friend (write) _____ to me every week.
5. Jane always _____ (take care) of her sister.
6. 6 My family (have).....a holiday in December every year.
7. Martha and Kevin _____ (swim) twice a week.
8. She ___ (help) the kids of the neighborhood
9. Mike (be) _____ humour. He always _____ (tell) us funny stories.
10. Tiffany and Uma (be) _____ my friends.